



Các Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số tham chiếu: 11397/11108

## Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập

các báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bằng căn đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận để lại, báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan và các thuyết minh đính kèm (sau đây gọi tắt là "các báo cáo tài chính") cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 2 đến trang 45. Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính của Ngân hàng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.



Yang Vietnam Ltd

Nguyen

Võ Tấn Hoàng Văn  
Phó Tổng Giám Đốc  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Phương Nga  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0763/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 01 năm 2009

# Bảng cân đối kế toán

ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: triệu đồng

Thuyết minh Năm 2008 Năm 2007

## Tài sản

<b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>3</b>	<b>130.299</b>	<b>196.529</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>4</b>	<b>568.930</b>	<b>173.563</b>
<b>Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>5</b>	<b>4.671.306</b>	<b>3.255.201</b>
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>6</b>	<b>852</b>	<b>61.008</b>
Chứng khoán kinh doanh		3.248	64.038
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.396)	(3.030)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>7</b>	<b>1.503</b>	<b>-</b>
<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>23.100.713</b>	<b>19.397.781</b>
Cho vay khách hàng	8	23.278.256	19.477.605
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(177.543)	(79.824)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>4.181.835</b>	<b>886.321</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.178.854	882.905
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.981	3.416
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>700.906</b>	<b>57.325</b>
Đầu tư dài hạn khác		704.006	57.325
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(3.100)	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>12</b>	<b>572.145</b>	<b>324.971</b>
Tài sản cố định hữu hình	12.1	343.770	195.276
Nguyên giá tài sản cố định		381.998	213.503
Hao mòn tài sản cố định		(38.228)	(18.227)
Tài sản cố định vô hình	12.2	228.375	129.695
Nguyên giá tài sản cố định		231.542	131.400
Hao mòn tài sản cố định		(3.167)	(1.705)
<b>Tài sản có khác</b>	<b>13</b>	<b>4.667.564</b>	<b>1.588.855</b>
Các khoản phải thu	13.1	3.666.033	881.684
Các khoản lãi, phí phải thu	13.2	815.153	210.157
Tài sản có khác	13.3	186.378	497.014
<b>Tổng tài sản</b>		<b>38.596.053</b>	<b>25.941.554</b>



ĐVT: triệu đồng

Thuyết minh Năm 2008 Năm 2007

**Nợ phải trả**

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	58.996
-------------------------------------------------------	---	--------

Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	14	7.775.638	5.323.749
----------------------------------------	----	-----------	-----------

Tiền gửi của khách hàng	15	22.969.094	15.970.542
-------------------------	----	------------	------------

Phát hành giấy tờ có giá	16	3.647.189	1.400.000
--------------------------	----	-----------	-----------

Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	17	214.027	5.927
----------------------------------------------------------------------	----	---------	-------

Các khoản nợ khác	18	1.180.938	551.387
-------------------	----	-----------	---------

Các khoản lãi, phí phải trả	18.1	978.530	427.455
-----------------------------	------	---------	---------

Các khoản phải trả và công nợ khác	18.2	197.443	121.823
------------------------------------	------	---------	---------

Dự phòng cho các công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	18.3	4.965	2.109
--------------------------------------------------------	------	-------	-------

<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>35.786.886</b>	<b>23.310.601</b>
-------------------------	--	-------------------	-------------------

**Vốn chủ sở hữu****Vốn và các quỹ**

Vốn điều lệ	20	2.180.683	1.970.000
-------------	----	-----------	-----------

Thặng dư vốn cổ phần	20	335.287	407.531
----------------------	----	---------	---------

Cổ phiếu quỹ	20	(56.000)	-
--------------	----	----------	---

Quỹ dự trữ	20	95.828	24.933
------------	----	--------	--------

Lợi nhuận chưa phân phối	20	253.369	228.489
--------------------------	----	---------	---------

<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.809.167</b>	<b>2.630.953</b>
----------------------------	--	------------------	------------------

<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>		<b>38.596.053</b>	<b>25.941.554</b>
-------------------------------------------	--	-------------------	-------------------

**Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	34	595.224	395.515
---------------------	----	---------	---------

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:





Bà Nguyễn Thị Thu Đông  
Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Ông Thân Ngọc Minh  
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 01 năm 2009

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: triệu đồng

	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	4.351.582	1.702.241
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	24	(3.333.736)	(1.258.563)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>1.017.846</b>	<b>443.678</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		158.393	142.161
Chi phí hoạt động dịch vụ		(9.473)	(5.923)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>25</b>	<b>148.920</b>	<b>136.238</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>26</b>	<b>57.306</b>	<b>2.499</b>
<b>(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>27</b>	<b>(35.508)</b>	<b>69.305</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>28</b>	<b>34.332</b>	<b>36.683</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần</b>	<b>29</b>	<b>4.415</b>	<b>558</b>
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>		<b>1.227.311</b>	<b>688.961</b>
<b>Chi phí hoạt động</b>			
Chi phí tiền lương		(270.854)	(154.211)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(21.883)	(10.599)
Chi phí hoạt động khác	30	(173.936)	(109.937)
		<b>(466.673)</b>	<b>(274.747)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>760.638</b>	<b>414.214</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9, 18.3	(138.984)	(75.212)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	9, 18.3	24.769	20.022

<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>646.423</b>	<b>359.024</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.1	(182.533)	(100.289)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	19.2	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(182.533)</b>	<b>(100.289)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>463.890</b>	<b>258.735</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu - đồng</b>	<b>21</b>	<b>2.263</b>	<b>2.211</b>
(mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)			

## Báo cáo lợi nhuận để lại

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

DVT: triệu đồng

	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
<b>Lợi nhuận để lại đầu năm</b>	<b>20</b>	<b>228.489</b>	<b>98.483</b>
Lợi nhuận thuần trong năm		463.890	258.735
<b>Lợi nhuận trước khi phân phối</b>		<b>692.379</b>	<b>357.218</b>
Trừ:			
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước		(80.744)	(32.110)
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận để lại		(138.439)	-
Chia cổ tức kỳ trước		(954)	(56.594)
Tạm ứng cổ tức kỳ này		(218.068)	(39.136)
Các khoản khác		(805)	(889)
<b>Lợi nhuận để lại cuối năm</b>	<b>20</b>	<b>253.369</b>	<b>228.489</b>

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Đông  
Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Thân Ngọc Minh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 01 năm 2009



# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

DVT: triệu đồng

	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương		3.732.897	1.747.195
Chi phí lãi và các chi phí tương đương		(2.782.698)	(994.518)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		162.609	127.379
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		21.798	71.804
Thu nhập khác		31.619	12.723
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		2.569	5.303
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(384.321)	(311.462)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	19	(187.305)	(70.331)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ</b>		<b>597.168</b>	<b>588.093</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
(Tăng)/giảm các khoản tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		(777.197)	495.382
(Tăng)/giảm về các khoản kinh doanh chứng khoán		(174)	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(3.800.651)	(11.043.109)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn		(16.496)	(13.944)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(2.473.713)	(1.131.341)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(58.996)	(1.725)
Tăng các khoản tiền gửi của các TCTD		2.451.889	24.668
Tăng tiền gửi của khách hàng		6.998.552	12.394.909
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		208.100	5.927
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		2.247.189	-
Tăng công nợ khác		12.192	105.179
Chi từ các quỹ	20.1	(10.654)	(15.625)

ĐVT: triệu đồng

		Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>5.377.209</b>	<b>1.408.414</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Mua sắm tài sản cố định	12	(255.028)	(172.862)	
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		473	40.037	
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(3.942.195)	(588.189)	
Tiền chi cho các công cụ tài chính phái sinh		(1.503)	-	
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		3.955	558	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(4.194.298)</b>	<b>(720.456)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tăng vốn điều lệ		-	548.111	
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có		-	1.400.000	
Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	20	(56.000)	-	
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	20	(219.022)	(39.338)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(275.022)</b>	<b>1.908.773</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>907.889</b>	<b>2.596.731</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>31</b>	<b>3.685.799</b>	<b>1.089.068</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>31</b>	<b>4.593.688</b>	<b>3.685.799</b>	

### Các giao dịch phi tiền tệ

Tăng vốn điều lệ từ các trái phiếu chuyển đổi		-	1.085.000	
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần	20	72.244	-	
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận để lại	20	138.439	56.461	

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thu Đông  
Trưởng phòng Kế toán Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Thân Ngọc Minh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 01 năm 2009